|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghị định hướng dẫn Luật Thuế TTĐB hiện hành *(Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019)*** | **Dự thảo Nghị định** | **Thuyết minh** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định chi tiết thi hành về đối tượng chịu thuế tại Điều 2, đối tượng không chịu thuế tại Điều 3, giá tính thuế tại Điều 6, xe ô tô tại mục 4đ Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt và quy đổi mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với bao thuốc lá, điếu xì gà tại Điều 8 và hoàn thuế, khấu trừ thuế tại Điều 9 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. | Căn cứ các quy định giao Chính phủ quy định chi tiết tại Luật Thuế TTĐB số 66/2025/QH15 |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm:  1. Người nộp thuế quy định tại Điều 4 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.  2. Cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.  3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | Xác định những cá nhân, tổ chức phải tuân thủ các quy định trong Nghị định, đảm bảo các đối tượng này thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ |
| **Điều 2. Đối tượng chịu thuế**  1. Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.  a) Đối với tàu bay, du thuyền quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại sử dụng cho mục đích dân dụng.  b) Đối với hàng mã quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học.  c) Đối với kinh doanh đặt cược quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 2 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt bao gồm: Đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật.  2. Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là các sản phẩm hàng hóa hoàn chỉnh, không bao gồm bộ linh kiện để lắp ráp các hàng hóa này. | **Điều 3. Đối tượng chịu thuế**  Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Một số trường hợp được quy định như sau:  1. Xe có gắn động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng, không bao gồm các loại xe quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này.  2. Máy bay, trực thăng, tàu lượn và du thuyền, không bao gồm các loại quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.  3. Điều hoà nhiệt độ công suất trên 24.000 BTU đến 90.000 BTU trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, máy bay, trực thăng, tàu, thuyền. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh);  Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh nhập khẩu, ủy thác nhập khẩu hệ thống điều hòa trung tâm trên 90.000 BTU hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh nhập khẩu ký hợp đồng với nhà thầu lắp đặt thiết bị trong nước về việc cung cấp hệ thống điều hòa trung tâm trên 90.000 BTU, việc giao hàng tùy thuộc vào tiến độ thi công công trình (hệ thống điều hòa này được nhập khẩu thành nhiều lần, nhiều chuyến), Bộ Tài chính hướng dẫn về hồ sơ để xác định đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với trường hợp này.  4. Nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml quy định tại điểm l khoản 1 Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam (TCVN 12828:2019) có hàm lượng đường trên 5g/100ml, bao gồm: đồ uống hương liệu (kể cả nước uống tăng lực, nước uống thể thao, nước uống điện giải và các đồ uống đặc biệt khác), nước giải khát có chứa cà phê, nước giải khát có chứa chè, đồ uống thảo mộc, nước giải khát có chứa nước trái cây và các loại đồ uống từ ngũ cốc.  Nước giải khát theo TCVN 12828:2019 không bao gồm các sản phẩm: sữa và sản phẩm từ sữa; thực phẩm dạng lỏng dùng với mục đích dinh dưỡng; nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; nước rau, quả và nectar (mật) rau, quả và sản phẩm từ cacao.  Hàm lượng đường được tính là lượng đường tổng số theo hướng dẫn của Bộ Y tế về nhãn hàng hóa, bao gồm cả tiêu chí về hàm lượng đường được ghi trên nhãn hàng hóa. | - Để đảm bảo rõ ràng, minh bạch, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.  - Để đảm bảo rõ ràng, minh bạch, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.  - Kế thừa quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC quy định về đối tượng không chịu thuế: *“6. Điều hoà nhiệt độ có công suất từ 90.000 BTU trở xuống, theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải, bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, tàu bay.*  *Trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu; uỷ thác nhập khẩu hệ thống điều hoà trung tâm trên 90.000 BTU hoặc cơ sở kinh doanh nhập khẩu ký hợp đồng với nhà thầu lắp đặt thiết bị trong nước về việc cung cấp hệ thống điều hòa trung tâm trên 90.000 BTU; việc giao hàng tùy thuộc vào tiến độ thi công công trình (hệ thống điều hòa này được nhập khẩu thành nhiều lần, nhiều chuyến) để không phải tính nộp thuế TTĐB đối với từng lần nhập khẩu là các chi tiết của thiết bị nhập khẩu như cục nóng hoặc cục lạnh thì hồ sơ cần xuất trình với cơ quan hải quan gồm:...”*  - Thống nhất với TCVN 12828:2019 về nước giải khát, Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm |
|  | 5. Kinh doanh vũ trường, kinh doanh ka-ra-ô-kê (karaoke) theo quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-ke, dịch vụ vũ trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024).  6. Kinh doanh mát-xa (massage) được xác định theo quy định pháp luật chuyên ngành thuộc loại hình kinh doanh có điều kiện.  7. Kinh doanh ca-si-nô (casino) theo quy định tại Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh casino (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 145/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2024); trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot), máy sờ-lot (slot) và các loại máy tương tự theo quy định tại Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.  8. Kinh doanh đặt cược bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định tại Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính).  9. Kinh doanh gôn (golf) theo quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 107 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư) bao gồm kinh doanh sân tập gôn, bán thẻ hội viên, vé chơi gôn.  10. Kinh doanh xổ số theo quy định tại Nghị định số 30/2007NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Điều 4 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 2018). | Đảm bảo thống nhất, phù hợp với pháp luật chuyên ngành |
|  | 11. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. | - Tại khoản 3 Điều 2 Luật Thuế TTĐB quy định: *“3. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”*  - Dự thảo Nghị định quy định chi tiết giao Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan để có cơ sở triển khai, thực hiện nội dung này. |
| **Điều 3. Đối tượng không chịu thuế**  Đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. | **Điều 4. Đối tượng không chịu thuế**  Đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Một số trường hợp được quy định như sau: |  |
|  | 1. Hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, thuê gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu ra nước ngoài. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài quy định tại khoản này không bao gồm: hàng hóa bán từ nội địa vào khu phi thuế quan; hàng hóa sản xuất, gia công, thuê gia công, mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau. | Quy định chi tiết điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB, đảm bảo minh bạch, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện |
| 1. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, bao gồm:  a) Hàng viện trợ nhân đạo, hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh;  b) Quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;  c) Quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo định mức quy định của pháp luật. |  | - Không quy định chi tiết tại dự thảo Nghị định do nội dung này đã quy định tại điểm b1 khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB. |
| 2. Đối với hàng quá cảnh, mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng chuyển khẩu quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, bao gồm:  a) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam;  b) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam;  c) Hàng quá cảnh, mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam trên cơ sở Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài hoặc giữa cơ quan, người đại diện được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước ngoài ủy quyền;  d) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam. |  | - Không quy định chi tiết tại dự thảo Nghị định do nội dung này đã quy định tại điểm b2 khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB. |
|  | 2. Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra hoặc thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.  a) Hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, nếu thực tái xuất khẩu trong thời hạn không phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tái xuất khẩu.  b) Hàng hóa tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu, nếu thực tái nhập khẩu trong thời hạn không phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tái nhập khẩu. | - Quy định chi tiết điểm b3 khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB: *“b3) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra hoặc thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt;”*  - Kế thừa quy định tại điểm 2.3 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC: *“2.3. Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, nếu thực tái xuất khẩu trong thời hạn không phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì không phải nộp thuế TTĐB tương ứng với số hàng thực tái xuất khẩu.*  *Hàng hóa tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu, nếu thực tái nhập khẩu trong thời hạn không phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì không phải nộp thuế TTĐB tương ứng với số hàng thực tái nhập khẩu.”* |
|  | 3. Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao theo quy định tại Phụ lục I, II, III Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2021); hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 năm 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ) và Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế. | - Điểm b4 khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB quy định: *“b4) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật;”*  - Dự thảo Nghị định quy định chi tiết để đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật về kinh doanh miễn thuế |
|  | 4. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài đã được nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu nộp thuế tiêu thụ đặc biệt bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu là hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này và có chứng từ đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định.  Hàng hóa quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện chưa qua sử dụng, gia công, chế biến. | - Điểm b5 khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TTĐB quy định:  *“b5) Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu;”*  - Dự thảo Nghị định quy định chi tiết để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
| *3.**Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng.*  *Trường hợp tàu bay, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; tàu bay không sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.* | 5. Máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch và máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng, cứu thương, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, huấn luyện đào tạo phi công, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, sản xuất nông nghiệp.  Trường hợp máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền nêu tại khoản này có thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế thì thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong đó:  a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh có máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền nhập khẩu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt với cơ quan hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh có máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền sản xuất trong nước thay đổi mục đích sử dụng thì thực hiện nghĩa vụ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thay cho tổ chức, cá nhân sản xuất và kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo giá trị còn lại sau khi trừ giá trị đã khấu hao theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP) và khoản 4 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC. |
| 4. Đối với xe ô tô quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là các loại xe theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe cứu thương, xe chở phạm nhân, xe tang lễ; xe thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông và các loại xe chuyên dụng, xe không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông do Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan quy định cụ thể. | 6. Đối với xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là các loại xe theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe ô tô cứu thương, xe ô tô chở phạm nhân, xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành và chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học; xe ô tô chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng do Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng xác định. Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định, hướng dẫn cụ thể về xe chuyên dùng khác thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong trường hợp có phát sinh.  Đối với xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành và chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học thuộc đối tượng không chịu thuế quy định tại khoản này phải có tài liệu chứng minh chỉ chạy trong phạm vi khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và đáp ứng hồ sơ theo quy định của Bộ Tài chính. Xe không đăng ký lưu hành là xe không đăng ký tham gia giao thông theo quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ.  Trường hợp xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nêu tại khoản này thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế thì thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Trong đó:  a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh có xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt với cơ quan hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.  b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh có xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sản xuất trong nước thay đổi mục đích sử dụng thì thực hiện nghĩa vụ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thay cho tổ chức, cá nhân sản xuất và kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo giá trị còn lại sau khi trừ giá trị đã khấu hao theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp. | - Cơ bản kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP và khoản 5 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC.  - Quy định về xe không đăng ký lưu hành để đảm bảo đồng bộ với Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ. |
| 5. Đối với điều hòa nhiệt độ là loại có công suất từ 90.000 BTU trở xuống theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải, bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, tàu bay. |  | Nội dung này đã được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TTĐB. |
| 6. Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hóa từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ hai loại hàng hóa sau: Hàng hóa đưa vào khu được áp dụng quy chế khu phi thuế quan có dân cư sinh sống, không có hàng rào cứng và xe ô tô chở người dưới 24 chỗ. |  | Luật Thuế TTĐB đã bỏ quy định này |
|  | 7. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung đối tượng không chịu thuế để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan báo cáo Chính phủ xem xét trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.  8. Bộ Tài chính hướng dẫn về hồ sơ xác định đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại khoản 1 và 2 Điều này. | - Tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TTĐB quy định: *“2. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung đối tượng không chịu thuế để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”.*  - Dự thảo Nghị định quy định chi tiết để có cơ sở triển khai, thực hiện nội dung này. |
| **Điều 4. Giá tính thuế**  1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt | = | Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng | - | Thuế bảo vệ môi trường (nếu có) | | 1 + Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt | | |   Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.  a) Trường hợp cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán hàng qua các cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc thì giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở hạch toán phụ thuộc bán ra. Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu quy định và chỉ hưởng hoa hồng thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu quy định chưa trừ hoa hồng.  b) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán cho các cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại mua trực tiếp của cơ sở sản xuất, nhập khẩu bán ra. Trường hợp cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu thành lập nhiều cơ sở thương mại trung gian có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ hoặc có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của các cơ sở thương mại này bán cho cơ sở kinh doanh thương mại không có quan hệ công ty mẹ, công ty con, hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ, hoặc có mối quan hệ liên kết với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu. Riêng mặt hàng xe ôtô giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại để so sánh là giá bán xe ôtô chưa bao gồm các lựa chọn về trang thiết bị, phụ tùng mà cơ sở kinh doanh thương mại lắp đặt thêm theo yêu cầu của khách hàng.  Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu và cơ sở kinh doanh thương mại có mối quan hệ liên kết theo quy định tại điểm này khi: Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia.  Trường hợp giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do cơ quan thuế ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. | **Điều 5. Giá tính thuế**  Giá tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Một số trường hợp cụ thể quy định như sau:  1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra.  a) Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa bán ra (trừ mặt hàng thuốc lá) được xác định như sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Giá tính thuế  tiêu thụ đặc biệt | = | Giá bán chưa  có thuế giá trị gia tăng | - | Thuế bảo vệ môi trường  (nếu có) | | 1 + Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt | | |   Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường được xác định theo quy định của pháp luật về thuế bảo vệ môi trường.  b) Đối với mặt hàng thuốc lá bán ra, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Giá tính thuế  tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá | = | Giá bán chưa  có thuế giá trị gia tăng | - | Thuế tuyệt đối đối với thuốc lá | | 1 + Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt | | |   Trong đó, giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng (không được trừ khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ theo quy định).  c) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán hàng qua các doanh nghiệp trực thuộc hạch toán phụ thuộc thì giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc bán ra.  d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu quy định và chỉ hưởng hoa hồng thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu quy định chưa trừ hoa hồng.  đ) Trường hợp hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán cho các doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại mua trực tiếp của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu bán ra.  Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu thành lập nhiều doanh nghiệp kinh doanh thương mại trung gian có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ hoặc có mối quan hệ liên kết thì giá bán làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ 7% so với giá bình quân của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại này bán cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại không có quan hệ công ty mẹ, công ty con, hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ, hoặc có mối quan hệ liên kết với tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu. Riêng mặt hàng xe ô tô giá bán bình quân của doanh nghiệp kinh doanh thương mại để so sánh là giá bán xe ôtô chưa bao gồm các lựa chọn về trang thiết bị, phụ tùng mà doanh nghiệp kinh doanh thương mại lắp đặt thêm theo yêu cầu của khách hàng.  Việc xác định doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu và doanh nghiệp kinh doanh thương mại có mối quan hệ liên kết thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. | - Cơ bản kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư hiện hành.  - Đối với mặt hàng thuốc lá: Luật Thuế TTĐB năm 2025 quy định về áp dụng phương pháp đánh thuế hỗn hợp (thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và thuế tuyệt đối) đối với mặt hàng thuốc lá. Bên cạnh đó, hiện nay, mặt hàng thuốc lá phải đóng thêm khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Quỹ Bảo vệ môi trường và kinh phí hỗ trợ khác theo quy định và các khoản thu này đều được tính vào giá bán ra của thuốc lá. Tại văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thuế TTĐB hiện hành đã quy định “*Riêng đối với mặt hàng thuốc lá, giá tính thuế TTĐB bao gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ quy định tại Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.*” |
| 2. Đối với hàng nhập khẩu tại khâu nhập khẩu, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định như sau:  Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt = Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu.  Giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo các quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm. |  | Nội dung này đã được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Thuế TTĐB |
| 3. Đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, giá tính thuế không loại trừ giá trị vỏ bao bì, vỏ chai.  Đối với mặt hàng bia chai nếu có đặt tiền cược vỏ chai, định kỳ hàng quý cơ sở sản xuất và khách hàng thực hiện quyết toán số tiền đặt cược vỏ chai mà số tiền đặt cược tương ứng với giá trị số vỏ chai không thu hồi được phải đưa vào doanh thu tính thuế tiêu thụ đặc biệt. |  | Chuyển xuống khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị định |
| 4. Đối với hàng hóa gia công thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán hàng hóa của cơ sở giao gia công bán ra hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm bán.  Trường hợp cơ sở giao gia công bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. | 2. Đối với hàng hóa gia công thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán hàng hóa của tổ chức, cá nhân giao gia công bán ra hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm bán hàng.  Trường hợp tổ chức, cá nhân giao gia công bán hàng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế được xác định theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định hiện hành |
| 5. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa cơ sở sản xuất và cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của cơ sở sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.  Trường hợp các cơ sở này bán hàng cho cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. | 3. Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa tổ chức, cá nhân sản xuất và tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam.  Trường hợp các doanh nghiệp này bán hàng cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế được xác định theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định hiện hành |
| 6. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán của hàng hóa bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm. |  | Nội dung này đã được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Luật Thuế TTĐB |
|  | 4. Đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, giá tính thuế không loại trừ giá trị vỏ bao bì, vỏ chai.  Đối với mặt hàng bia chai nếu có đặt tiền cược vỏ chai, định kỳ hàng quý tổ chức, cá nhân sản xuất và khách hàng thực hiện quyết toán số tiền đặt cược vỏ chai mà số tiền đặt cược tương ứng với giá trị số vỏ chai không thu hồi được phải đưa vào doanh thu tính thuế tiêu thụ đặc biệt. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư hiện hành |
| 7. Đối với dịch vụ, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh dịch vụ bán ra.  a) Đối với kinh doanh gôn là doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác do người chơi gôn, hội viên trả cho cơ sở kinh doanh gôn. Trường hợp cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như: Khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;  b) Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu từ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng trừ (-) đi số tiền trả thưởng cho khách hàng;  c) Đối với kinh doanh đặt cược giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu bán vé đặt cược đã trừ tiền trả thưởng;  d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm;  đ) Đối với kinh doanh xổ số giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật. | 5. Đối với dịch vụ, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá cung ứng dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh chưa có thuế giá trị gia tăng và chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, được xác định như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt | = | Giá dịch vụ chưa có thuế giá trị gia tăng | | 1 + Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt |   Giá dịch vụ chưa có thuế giá trị gia tăng làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số dịch vụ quy định như sau:  a) Đối với kinh doanh gôn là giá bán thẻ hội viên, giá bán vé chơi gôn bao gồm cả tiền phí chơi gôn, tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy), thuê người giúp việc trong khi chơi gôn (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho tổ chức, cá nhân kinh doanh gôn. Trường hợp khoản ký quỹ được trả lại người ký quỹ thì số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tính trên khoản ký quỹ được trả lại sẽ được xác định là số thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa và được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như: khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với kinh doanh gôn không bao gồm giá của các hàng hóa, dịch vụ đó.  b) Đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng là số tiền thu được từ hoạt động này trừ số tiền đã đổi trả cho khách không sử dụng hết và số tiền trả thưởng cho khách (nếu có). Trong đó, số tiền thu được là số tiền thu từ đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng.  c) Đối với kinh doanh đặt cược, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu bán vé đặt cược trừ (-) tiền trả thưởng cho khách hàng, không bao gồm doanh số bán vé vào cửa xem các sự kiện giải trí gắn với hoạt động đặt cược.  d) Đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa và ka-ra-ô-kê, giá làm căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, cơ sở mát-xa và ka-ra-ô-kê, bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 108/2015/NĐ-CP và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC. |
| 8. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại các hàng hóa, dịch vụ này. |  | Nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Thuế TTĐB nên tại dự thảo Nghị định không quy định chi tiết. |
| 9. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm tính ngoài giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ (nếu có) mà cơ sở sản xuất, kinh doanh được hưởng. Riêng đối với mặt hàng thuốc lá giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt bao gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ quy định tại Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá.  Thời điểm phát sinh doanh thu đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. | 6. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm, được thu (nếu có) mà tổ chức, cá nhân kinh doanh được hưởng.  Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất nhiều loại hàng hóa và kinh doanh nhiều loại dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có các mức thuế suất khác nhau thì phải xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt riêng đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp không tách riêng được thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất phải tính, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt có mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt cao nhất mà tổ chức, cá nhân có sản xuất, kinh doanh, trong đó: giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là toàn bộ giá bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất chưa có thuế giá trị gia tăng và chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt (xác định theo mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt cao nhất mà tổ chức, cá nhân có sản xuất, kinh doanh). | Đảm bảo bao quát các trường hợp |
| **Điều 5. Thuế suất**  Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.  1. Đối với xe ô tô loại thiết kế vừa chở người vừa chở hàng quy định tại các Điểm 4d, 4g Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt là loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng theo tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.  2. Xe ôtô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học hoặc điện quy định tại Điểm 4đ Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt là loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất có tỷ lệ xăng pha trộn không quá 70% tổng số nhiên liệu sử dụng và loại xe kết hợp động cơ điện với động cơ xăng có tỷ lệ xăng sử dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất không quá 70% số năng lượng sử dụng so với loại xe chạy xăng tiết kiệm nhất, có cùng số chỗ ngồi và cùng dung tích xi lanh có mặt trên thị trường Việt Nam.  3. Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học, năng lượng điện quy định tại các Điểm 4e, 4g Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt là loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất chạy hoàn toàn bằng năng lượng sinh học, năng lượng điện. | **Điều 6. Xe ô tô quy định tại mục 4đ Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt**  1. Đối với xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện quy định tại mục 4đ Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt tại Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt là xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện theo quy định của Bộ Xây dựng có tỷ lệ xăng sử dụng không quá 70% tổng số năng lượng sử dụng.  2. Đối với xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học quy định tại mục 4đ Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt tại Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc là loại xe được thiết kế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất có tỷ lệ xăng pha trộn không quá 70% tổng số năng lượng sử dụng.  3. Bộ Xây dựng công bố mức sử dụng xăng trung bình của từng dòng xe ô tô có mặt trên thị trường Việt Nam để làm căn cứ so sánh, xác định xe ô tô đáp ứng tỷ lệ xăng sử dụng không quá 70% tổng số năng lượng sử dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. | - Quy định chi tiết mục 4đ Biểu Thuế TTĐB.  - Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định hiện hành.  - Tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | **Điều 7. Quy đổi mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với bao thuốc lá, điếu xì gà**  1. Trường hợp bao thuốc lá có tổng số điếu thuốc lá khác 20 điếu thì việc quy đổi mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với bao thuốc lá này được xác định như sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Mức thuế tuyệt đối của bao thuốc lá có tổng số điếu thuốc lá khác 20 điếu | = | Mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với bao thuốc lá 20 điếu tại thời điểm áp dụng | x | Số lượng điếu của 01 bao thuốc lá | | 20 |   2. Trường hợp điếu xì gà có trọng lượng khác 20g/điếu thì việc quy đổi mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với điếu xì gà này được xác định như sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Mức thuế tuyệt đối của điếu xì gà có trọng lượng khác 20g/điếu | = | Mức thuế tuyệt đối áp dụng đối với xì gà có trọng lượng 20g/điếu tại thời điểm áp dụng | x | Tổng trọng lượng theo gam (g) của 01 điếu xì gà | | 20 | | Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật giao Chính phủ hướng dẫn |
| **Điều 6. Hoàn thuế**  Việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt. | **Điều 8. Hoàn thuế, khấu trừ thuế**  Việc hoàn thuế, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Một số trường hợp được quy định như sau: |  |
| 1. Đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:  a) Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng còn lưu kho, lưu bãi tại cửa khẩu và đang chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan, được tái xuất ra nước ngoài;  b) Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt để giao, bán hàng cho nước ngoài thông qua các đại lý tại Việt Nam; hàng hóa nhập khẩu để bán cho các phương tiện của các hãng nước ngoài trên các tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc các phương tiện của Việt Nam trên các tuyến đường vận tải quốc tế theo quy định của pháp luật;  c) Hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu theo phương thức kinh doanh hàng tạm nhập, tái xuất khi tái xuất khẩu được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tương ứng với số hàng thực tế tái xuất khẩu;  d) Hàng nhập khẩu đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng tái xuất khẩu ra nước ngoài được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với số hàng xuất trả lại nước ngoài;  đ) Hàng tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc để phục vụ công việc khác trong thời hạn nhất định theo quy định của pháp luật và đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, khi tái xuất khẩu được hoàn thuế.  Trường hợp hàng tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu, nếu đã thực tái xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tế đã tái xuất |  | Luật Thuế TTĐB đã bỏ quy định này |
| 2. Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tương ứng với số nguyên liệu dùng để sản xuất hàng hóa thực tế xuất khẩu.  3. Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt:  a) Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như quy định về hoàn thuế nhập khẩu tại Điều 34 Nghị định số [134/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/nghi-dinh-134-2016-nd-cp-huong-dan-luat-thue-xuat-khau-thue-nhap-khau-323602.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 134/2016/NĐ-CP) ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).  b) Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như quy định về hoàn thuế nhập khẩu tại Điều 36 Nghị định số [134/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/nghi-dinh-134-2016-nd-cp-huong-dan-luat-thue-xuat-khau-thue-nhap-khau-323602.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 134/2016/NĐ-CP) ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).  Trường hợp tờ khai nhập khẩu có tiền thuế nhập khẩu, tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đề nghị hoàn thì hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu đồng thời là hồ sơ hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt. | 1. Đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt thì được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tương ứng với số nguyên liệu dùng để sản xuất hàng hóa thực tế xuất khẩu ra nước ngoài.  Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu được thực hiện theo quy định về hoàn thuế nhập khẩu tại pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật có liên quan | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định hiện hành |
| 4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước có số thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa.  5. Việc hoàn thuế quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 8 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:  a) Hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;  b) Hoàn thuế theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;  c) Hoàn thuế trong trường hợp số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp lớn hơn số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo quy định của pháp luật. | 2. Đối với trường hợp hoàn thuế quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt:  a) Quyết toán thuế khi giải thể, phá sản có số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết.  Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.  b) Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  c) Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. | - Quy định chi tiết điểm b, c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TTĐB. |
| **Điều 7. Khấu trừ thuế**  1. Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế) hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra.  Riêng đối với xăng sinh học: Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ của kỳ khai thuế được căn cứ vào số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp hoặc đã trả trên một đơn vị nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề của xăng khoáng để sản xuất xăng sinh học.  Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, việc kê khai nộp thuế, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện tại cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết phát sinh kể từ kỳ khai thuế tháng 01 năm 2016) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc hoàn trả.  Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:  - Cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học lập giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước kiêm bù trừ với các khoản thuế phải nộp khác (nếu có) - Mẫu 01a/ĐNHT kèm theo Nghị định này.  - Cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học gửi hồ sơ đề nghị hoàn trả số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết đến cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính để được giải quyết hoàn trả theo quy định.  - Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết hồ sơ hoàn trả số thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại khoản này được thực hiện như quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).  - Căn cứ Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước của Cơ quan thuế, Kho bạc nhà nước thực hiện chi hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học. Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt. | 3. Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế) hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ tổ chức, cá nhân sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra. Đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt không được khấu trừ, người nộp thuế được tính vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.  4. Đối với mặt hàng xăng sinh học:  a) Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ của kỳ khai thuế được căn cứ vào số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp hoặc đã trả tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của lượng nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề của xăng khoáng để sản xuất xăng sinh học.  b) Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, việc kê khai nộp thuế, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện tại cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc hoàn trả theo quy định của Bộ Tài chính. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định hiện hành.  Đối với hồ sơ hoàn trả thuế TTĐB xăng khoáng dùng để sản xuất xăng sinh học: Quy định chi tiết tại dự thảo Thông tư. |
| 2. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra trong nước. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế tiêu thụ đặc biệt tính được ở khâu bán ra trong nước. Phần chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra trong nước, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp. | 5. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế) khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra trong nước. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứngsố thuế tiêu thụ đặc biệt được tính ở khâu bán ra trong nước. Phần chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra trong nước, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định hiện hành |
| 3. Điều kiện khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được quy định như sau:  a) Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là chứng từ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu nhập khẩu. | 6. Chứng từ để khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là chứng từ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu nhập khẩu. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định hiện hành. |
| b) Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:  - Hợp đồng mua bán hàng hóa, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hóa do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng).  - Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.  - Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là hóa đơn giá trị gia tăng khi mua hàng. Số thuế tiêu thụ đặc biệt mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân (x) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt; trong đó:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Giá tính thuế TTĐB | = | Giá mua chưa có thuế GTGT (thể hiện trên hóa đơn GTGT) | - | Thuế bảo vệ môi trường (nếu có) | | 1 + Thuế suất thuế TTĐB | | |   Việc khấu trừ tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện khi kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt và số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được xác định theo công thức sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp | = | Số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán ra trong kỳ | - | Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với hàng hóa, nguyên liệu ở khâu nhập khẩu hoặc số thuế tiêu thụ đặc biệt đã trả ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hóa được bán ra trong kỳ |   Trường hợp chưa xác định được chính xác số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp (hoặc đã trả) cho số nguyên vật liệu tương ứng với số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ thì có thể căn cứ vào số liệu của kỳ trước để tính số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ và sẽ xác định theo số thực tế vào cuối quý, cuối năm. Trong mọi trường hợp, số thuế tiêu thụ đặc biệt được phép khấu trừ tối đa không vượt quá số thuế tiêu thụ đặc biệt tính cho phần nguyên liệu theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm.  4. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo Mẫu số 01/TTĐB và Bảng xác định thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ (nếu có) theo Mẫu số 01-1/TTĐB được ban hành kèm theo Nghị định này. | 7. Chứng từ để được khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:  a) Hợp đồng mua bán hàng hóa, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hóa do tổ chức, cá nhân bán hàng trực tiếp sản xuất; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.  b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.  c) Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là hóa đơn giá trị gia tăng khi mua hàng. Số thuế tiêu thụ đặc biệt mà tổ chức, cá nhân mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định bằng (=) giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân (x) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt; trong đó:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt | = | Giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng (thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng) | - | Thuế bảo vệ môi trường (nếu có) | | 1 + Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt | | |   8. Việc khấu trừ tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện khi kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt và số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được xác định theo công thức sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp | = | Số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán ra trong kỳ | - | Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với hàng hóa, nguyên liệu ở khâu nhập khẩu hoặc số thuế tiêu thụ đặc biệt đã trả ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hóa được bán ra trong kỳ |   Trường hợp chưa xác định được chính xác số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp (hoặc đã trả) cho số hàng hóa tương ứng với số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ thì có thể căn cứ vào số liệu của kỳ trước để tính số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ và sẽ xác định theo số thực tế vào cuối quý hoặc cuối năm. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được phép khấu trừ tối đa không vượt quá số thuế tiêu thụ đặc biệt tính cho phần hàng hóa theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm. | Kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định hiện hành và đồng bộ với pháp luật về thuế GTGT. |
| **Điều 8. Hiệu lực và hướng dẫn thi hành**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế các Nghị định số [26/2009/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-26-2009-nd-cp-huong-dan-luat-thue-tieu-thu-dac-biet-86246.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 26/2009/NĐ-CP) ngày 16 tháng 3 năm 2009 và số [113/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-113-2011-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-26-2009-nd-cp-huong-dan-luat-thue-132944.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 113/2011/NĐ-CP) ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.  2. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.  Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. | **Điều 9. Hiệu lực thi hành**  1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.  2. Nghị định này thay thế:  a) Nghị định số [108/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-108-2015-nd-cp-huong-dan-luat-thue-tieu-thu-dac-biet-sua-doi-294252.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 108/2015/NĐ-CP) ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;  b) Nghị định số [14/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-14-2019-nd-cp-huong-dan-luat-thue-tieu-thu-dac-biet-luat-thue-tieu-thu-dac-biet-sua-doi-280013.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 14/2019/NĐ-CP) ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [108/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-108-2015-nd-cp-huong-dan-luat-thue-tieu-thu-dac-biet-sua-doi-294252.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 108/2015/NĐ-CP) ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.  3. Bãi bỏ quy định tại Điều 2 Nghị định số [100/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-100-2016-nd-cp-huong-dan-luat-thue-gia-tri-gia-tang-thue-tieu-thu-dac-biet-quan-ly-thue-sua-doi-318277.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 100/2016/NĐ-CP) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế.  4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, Tiêu chuẩn quốc gia viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật, Tiêu chuẩn quốc gia được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. | - Thay thế, bãi bỏ các Nghị định hiện hành.  - Đảm bảo bao quát, tránh vướng mắc trong trường hợp các văn bản viện dẫn thay đổi. |
|  | **Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp**  Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu mặt hàng điều hòa nhiệt độ có công suất từ 24.000 BTU trở xuống trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 và bán ra từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì không điều chỉnh lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp tại khâu nhập khẩu. | - Trước ngày 01/01/2026, Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định: *“h) Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống”*  thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Từ ngày 01/01/2026, Luật Thuế TTĐB số 66/2025/QH15 quy định: *“h) Điều hoà nhiệt độ công suất trên 24.000 BTU đến 90.000 BTU trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, máy bay, trực thăng, tàu, thuyền. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)”* thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Theo đó, mặt hàng điều hòa nhiệt độ công suất từ 24.000 BTU trở xuống sẽ chuyển từ đối tượng chịu thuế chịu thuế TTĐB sang đối tượng không chịu chịu thuế TTĐB từ ngày 01/01/2026. Thực tế sẽ có thể phát sinh vướng mắc trong việc thu thuế TTĐB đối với trường hợp điều hòa nhiệt độ công suất từ 24.000 BTU trờ xuống nhập khẩu trước ngày 01/01/2026 và bán ra từ ngày 01/01/2026.  - Tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“2. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có quy định hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó*”.  - Luật Thuế TTĐB quy định thời điểm tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu bao gồm 02 khâu là khâu nhập khẩu và khâu bán ra trong nước, và người nộp thuế được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp tại khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp ở khâu bán ra để tránh thu trùng thuế.  - Đối với trường hợp mặt hàng điều hòa nhiệt độ có công suất từ 24.000 BTU trở xuống nhập khẩu trước ngày 01/01/2026 thì vẫn thuộc diện chịu thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12. Khi bán ra trong nước thì không phải tính thuế TTĐB tại khâu bán ra nên không được khấu trừ thuế TTĐB đã nộp tại khâu nhập khẩu. Số thuế TTĐB đã nộp tại khâu nhập khẩu không phải là số thuế nộp thừa để được khấu trừ/hoàn thuế.  - Do vậy, để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện và để phù hợp với nguyên tắc áp dụng văn bản QPPL và pháp luật thuế TTĐB, Cục QLGSCST trình Bộ quy định về điều khoản chuyển tiếp đối với trường hợp nhập khẩu điều hòa nhiệt độ trước ngày 01/01/2026 và bán ra từ ngày 01/01/2026 tại dự thảo Nghị định |
|  | **Điều 11. Trách nhiệm thi hành**  1. Bộ Tài chính quy định chi tiết các điều, khoản được giao tại Nghị định và hướng dẫn thực hiện Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu quản lý.  2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |